TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 5 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phan Thanh T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Nguyễn Hồng T trình bày:*

Chị và anh Phan Thanh T1 kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi và về sinh sống tại ấp T2, xã T3. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến cãi nhau và anh T1 có đánh chị nhiều lần. Lần gần đây nhất khi chị đã nộp đơn khởi kiện thì anh T1 tiếp tục đánh chị. Do đó, chị xét thấy không thể không thể hàn gắn trở lại chung

sống, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung gồm: Phan Hoài B, sinh ngày 24/7/2004 và Phan Bảo Tr, sinh ngày 08/6/2006. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị T xác định không có.

** Anh Phan Thanh T1 trình bày:*

Anh thống nhất về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Về mâu thuẫn xảy ra khoảng 06 – 07 tháng do chị T đi chơi, đi nhậu không về nhà mà ngủ chỗ khác. Về kinh tế: Ban đầu khi về chung sống thì vợ chồng sử dụng tiền riêng, sau này anh đưa cho chị T quản lý, khi cần thì chị T đưa lại nhưng chị T không đồng ý. Anh thừa nhận trước đây có đánh chị T vài lần và khoảng 01 tháng nay thì chị T đi nhậu và nói với bạn bè là anh ghen tuông nên đã đánh chị T vài bạt tay. Anh thừa nhận việc đánh vợ là sai nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa trầm trọng, mong muốn vợ chồng cùng sửa đổi, hàn gắn chung sống và cam kết không đánh chị T đồng thời sẽ thỏa thuận lại việc chi tiêu trong gia đình nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung và các vấn đề khác thống nhất như chị T trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi. Theo chị T: Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T1 đánh chị nhiều lần nên chị xét thấy không thể không thể hàn gắn trở lại chung sống, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T1. Đối với anh T1 thừa nhận có đánh chị T nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh và chị T không lớn và anh có nguyện vọng hàn gắn trở lại và hứa khắc phục sửa chữa nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Thực tế trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh được những mâu thuẫn xảy ra nhưng hành vi của anh T1 đánh chị T nhiều lần là hành vi bạo lực gia đình bị xã hội lên án. Hành vi này đã làm cho tình trạng hôn nhân của anh, chị trở lên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Mặc dù anh T1 có nguyện vọng chung sống trở lại, cam kết sửa chữa và chị T không đồng ý nhưng

anh T1 không đưa ra được giải pháp để khắc phục, hàn gắn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn với anh T1 là phù hợp và đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất, các cháu theo ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Tại biên bản làm việc với Phan Hoài B và Phan Bảo Tr thì các cháu đều có nguyện vọng ở với chị T sau khi cha, mẹ ly hôn.

Do vậy, việc giao Hoài B và Bảo Tr cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết và về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T. Cho chị T được ly hôn với anh Phan Thanh T1.

2. Về con chung: Giao Phan Hoài B và Phan Bảo Tr cho chị T nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009267 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.